

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĨNH THẠNH  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2018/DS-ST

Ngày 16/7/2018

*“V/v tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản và đòi lại tài  
sản”.*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Bảo Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Thanh Bình

2. Bà Ngô Thị Phương Trang

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Văn Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện  
Vĩnh Thạnh, thành phố Cần.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần  
Thơ tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Tiến Lễ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh  
Thạnh, TP.Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số  
47/2017/TLST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2017 về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản và Đòi lại tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:  
16/2018/QĐST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:**

Bà Lê Thị P, sinh năm 1947

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim N, sinh năm  
1978 *(Theo văn bản ủy quyền ngày 02/5/2018).*

Cùng nơi cư trú: xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

**2. Bị đơn:**

2.1. Ông Trương Ngọc T, sinh năm 1971

2.2. Bà Trần Thị Kim H, sinh năm 1977

2.3. Anh Trương Tấn L, sinh năm 1996

Cùng nơi cư trú: Xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Ông NLQ, sinh năm 1972

Nơi cư trú: xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang

*(Bà P, bà N có có mặt, các đương sự khác vắng mặt tại phiên tòa).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Nguyên đơn trình bày và yêu cầu tại Đơn khởi kiện ngày 12/4/2017 và lời khai trong quá trình tố tụng:*

Ngày 25/8/2015, vợ chồng của ông Trương Ngọc T, bà Trần Thị Kim H và con của ông T, bà H là Trương Tấn L có làm biên nhận nợ vay của ông NLQ số tiền 30.000.000đồng (ba chục triệu đồng). Việc vay nợ là do bà bảo lãnh nên khi ông T, bà H, anh L không trả nợ cho ông Giang thì bà phải xuất tiền trả thay. Ngoài việc phải trả nợ gốc 30.000.000đồng, bà còn trả tiền lãi nhưng không nhớ rõ là bao nhiêu. Bà yêu cầu những người vay phải trả lại cho bà số tiền gốc 30.000.000đồng.

Khi bà vay tiền của Ngân hàng, ngày 07/5/2014, vợ chồng ông T, bà H vay lại tiền của bà 10.000.000đồng (mười triệu đồng). Khi vay tiền Ngân hàng, bà phải đóng tiền lãi 1,25%/tháng, lẽ ra thì ông T, bà H phải trả tiền lãi cho bà theo mức lãi suất vay 1,25%/tháng. Tuy nhiên, bà chỉ yêu cầu người vay phải trả tiền gốc cho bà 10.000.000đồng.

Ngoài ra, ông T và bà H còn tham gia 01 chân hụi, mỗi năm khai 02 lần theo 02 vụ thu hoạch lúa, mỗi lần đóng hụi chết là 10.000.000đồng. Hụi này do ông NLQ làm chủ. Dây hụi này có 13 phần, khai lần đầu vào vụ lúa Hè Thu năm 2014. Bà là người bảo lãnh hụi cho ông T, bà H. Khi hụi khai lần đầu tiên, bà hốt hụi thay cho ông T, bà H và phải chịu tiền lãi cho các thành viên khác tham gia chơi hụi là 3.500.000đồng/phần hụi nên số tiền mà bà được nhận: 6.500.000đồng x 12 phần (trừ người được hốt hụi) = 78.000.000đồng. Trừ tiền đầu thảo cho chủ hụi 3.000.000đồng, còn lại 75.000.000đồng (bảy mươi lăm triệu đồng) thì bà giao hết số tiền này cho vợ chồng ông T, bà H và anh Lập. Như vậy, bà phải đóng lại hụi chết là 12 lần, mỗi lần 10 triệu đồng và thành tiền 12 lần x 10.000.000đồng = 120.000.000đồng. Tuy nhiên cho đến nay, bà đã đóng được 06 lần hụi chết, mỗi lần 10.000.000đồng, thành tiền 60.000.000đồng. Trong giấy tham gia chơi hụi, có ông T, anh L ký tên.

Sau khi bà đóng tiền hụi chết, gia đình của ông T có giao trả lại cho bà được 9.000.000đồng nên số tiền hụi còn lại là 51.000.000đồng.

Nay bà yêu cầu ông T, bà H và anh L phải có trách nhiệm trả cho bà số tiền vốn gốc của nợ vay 10.000.000đồng; nợ bảo lãnh tiền vay 30.000.000đồng và nợ tiền đóng hụi chết thay cho các bị đơn 51.000.000đồng. tổng cộng là 91.000.000đồng (chín mươi một triệu đồng). Bà không yêu cầu các bị đơn thanh toán tiền lãi.

*- Bị đơn ông Trương Tấn L trình bày trong quá trình tố tụng:*

Về các khoản nợ mà bà P yêu cầu, với trách nhiệm làm con của ông T, bà H, ông có ý kiến như sau:

Về phần tiền đóng hụi chết 60.000.000đồng: Trong số tiền hụi mà bà P đã đóng cho chủ hụi thì gia đình của ông đã đưa được cho bà P được 9.000.000đồng (chín triệu) nên số tiền nợ còn lại là 51.000.000đồng (năm mươi một triệu).

Ông có ký tên trong tờ “Hợp đồng hụi” do bà P cung cấp nên đồng ý nhận trách nhiệm trả cho bà P 51.000.000đồng (năm mươi một triệu) nhưng xin trả dần theo phân kỳ cứ 06 tháng trả 4.000.000đồng (bốn triệu đồng). Thời gian bắt đầu trả từ ngày 15.3.2018 trở về sau cho đến khi dứt nợ (tuy nhiên, cho đến thời điểm hiện nay, anh L cũng không trả theo cam kết).

Về phần nợ vay 30.000.000đồng: Ông có ký tên trong tờ “Biên nhận” ghi ngày 25/8/2015 do bà P cung cấp, nội dung ông Trương Ngọc T có vay 30.000.000đồng. Biên nhận này cha mẹ của ông có ký tên. Mẹ của ông kêu ông ký tên nên ông có ký phía dưới tờ biên nhận, còn số tiền vay này cha mẹ của ông sử dụng vào việc gì thì ông không rõ. Ông đồng ý chịu trách nhiệm sẽ trả cho bà P nhưng hiện tại thì ông chưa có khả năng, khi nào trả xong phần nợ hụi như ông đã trình bày ở phần trên, ông sẽ trả phần nợ này cho bà P nhưng chưa ấn định được thời gian trả.

Về phần nợ 10.000.000đồng mà bà P cho rằng, ông Trương Ngọc T vay ké Ngân hàng (bà P vay Ngân hàng rồi cho ông T vay lại): Ông không có ký tên vào biên nhận mà ông T vay ké tiền ngân hàng như bà P trình bày. Ông không biết ông T vay tiền này để làm gì nhưng với trách nhiệm làm con ông cũng xin trả cho bà P nhưng hiện tại thì ông chưa có khả năng, chưa ấn định được thời gian trả cụ thể.

*- Các bị đơn ông Trương Ngọc T, bà Trần Thị Kim H vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NLQ trình bày:*

Ngày 25/8/2015, ông cho ông Trương Ngọc T, bà Trần Thị Kim H vay số tiền vốn 30.000.000đồng (ba chục triệu đồng), thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, có sự bảo lãnh nợ của bà Lê Thị P. Việc bảo lãnh này có làm giấy tờ. Vì ông T, bà H không trả được nợ nên bà P trả nợ cho ông cả tiền gốc và lãi. Phần tiền lãi đã trả thì ông không nhớ cụ thể, ông đã hủy bỏ giấy bảo lãnh nợ khi bà P đã trả tiền xong cho ông.

Ngoài ra, ông có làm chủ hội (hội mùa, đóng hội chết là 10.000.000đồng/phần). Ông T, bà H tham gia chơi 01 chân hội do bà P bảo lãnh.

Ngày 26/8/2014 (cuối vụ lúa Hè Thu năm 2014) khai hội lần đầu. Người được lãnh hội lần này phải chịu tiền lãi cho các thành viên khác là 3.200.000đồng/phần hội. Ông T, bà H là người hốt hội được tổng số tiền 78.600.000đồng (đã trừ tiền huê hồng cho chủ hội). Đến thời điểm tháng 7/2017, hội khai thêm được 05 lần nữa, bà P xuất tiền ra đóng hội chết 50.000.000 đồng (đóng 5 lần x 10.000.000đồng/lần).

Do bận nhiều công việc nên ông xin được vắng mặt trong các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử vụ án.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn trình bày, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trên, không yêu cầu tính lãi suất đối với các bị đơn.

*Ý kiến của Kiểm sát viên:* Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh thụ lý vụ kiện “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và Đòi lại tài sản*” giữa nguyên đơn và các bị đơn là đúng thẩm quyền, Tòa án đã thu thập chứng cứ đầy đủ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn luật định. Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện các bước của phiên tòa sơ thẩm đúng thủ tục tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc các bị đơn phải trả tiền nợ gốc vay, nợ bảo lãnh vay, bảo lãnh hội theo quy định của pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn cho rằng, các bị đơn vay tiền nhưng không thực hiện nghĩa vụ hoàn trả lại theo thỏa thuận. Ngoài ra, nguyên đơn còn bảo lãnh nợ hội, nợ vay

cho các bị đơn. Vì không thanh toán nên nguyên đơn phải xuất tiền trả thay cho các bị đơn nên yêu cầu hoàn trả lại nhưng các bị đơn không trả nên phát sinh tranh chấp. Quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp Hợp đồng vay tài sản; Đòi lại tài sản. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Khi đưa vụ án ra xét xử, mặt dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng các bị đơn cũng đều vắng mặt nhiều lần không rõ lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các bị đơn.

[2] Về nội dung giải quyết:

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện đối với các bị đơn về việc đòi nợ vay (10.000.000đồng); đòi lại tài sản do đã thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh nợ vay (30.000.000đồng); nợ hui (51.000.000đồng) nguyên đơn có xuất trình 03 chứng cứ có liên quan:

- Văn bản viết tay lập 07/5/2014 có nội dung: “...Bà Lê Thị P có cho Trương Ngọc T, sinh năm 1971, xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ ké tiền ngân hàng 10.000.000đồng, một năm trả lại, đóng lãi bốn lai”. Phía cuối văn bản này có ông Trương Ngọc T ký tên.

- Tờ “Biên nhận” viết tay lập ngày 25/8/2015 có nội dung: “*Trương Ngọc T mượn của anh Vang (NLQ) số tiền 30 triệu đồng vào ngày 25/8/2015*”. Phía cuối tờ “Biên nhận” này có ông Trương Ngọc T, bà Trần Thị Kim H và anh Trương Tấn L ký tên.

- “Tờ hợp đồng” viết tay, không ghi ngày tháng năm có nội dung: “*ông NLQ làm chủ hui mùa, hui 10.000.000đồng, bắt đầu mở hui vụ Hè Thu năm 2014. Có 13 thành viên tham gia hui, ông T là thành viên thứ 11 trong dãy hui*”. Tờ hợp đồng này có ông Trương Ngọc T và con ruột là anh Trương Tấn L ký tên.

[3] Quá trình tố tụng, Tòa án đã triệu tập hợp lệ các bị đơn ông T, bà H nhiều lần để làm việc những vấn đề có liên quan đến việc giải quyết vụ án (làm bản tự khai, lấy lời khai, tham gia hòa giải...) nhưng đều vắng mặt. Tuy nhiên, bị đơn anh Trương Tấn L là con ruột của ông T, bà H có lời khai tại Biên bản lấy lời khai của đương sự vào ngày 08/3/2018 (*Bút lục số 61*): anh thừa nhận có ký tên vào các văn bản do bà P cung cấp nêu trên (Tờ Biên nhận viết tay lập ngày 25/8/2015; Tờ hợp đồng viết tay, có nội dung ông T tham gia chơi hui của anh Giang làm chủ). Đồng thời, anh cũng cho rằng, ông T, bà H cũng có ký tên vào

các tờ biên nhận khi giao dịch vay tiền của bà P, tham gia chơi hụi nói trên. Anh đồng ý nhận trách nhiệm trả nợ theo yêu cầu của bà P (*nợ vay ké ngân hàng 10.000.000đồng; nợ vay của ông Giang 30.000.000đồng do bà P bảo lãnh và bà đã trả thay; nợ hụi chết của ông Giang do bà P bảo lãnh và bà đã trả thay 60.000.000đồng, nhưng sau đó gia đình của bị đơn có trả lại được 9.000.000đồng nên còn nợ lại 51.000.000đồng*) nhưng vì hoàn cảnh gia đình khó khăn nên xin trả dần.

[4] Vì anh L là con ruột của ông T, bà H và sống chung hộ nên biết rõ về số nợ của gia đình anh đối với bà P và có lời khai thừa nhận như nêu trên. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì lời khai nhận nợ của anh L là chứng cứ không phải chứng minh. Do đó, có căn cứ để xác định các bị đơn có nợ nguyên đơn số tiền vay gốc 10.000.000đồng và các khoản nợ khác mà nguyên đơn bảo lãnh và nguyên đơn đã xuất tiền ra trả thay cho các bị đơn đối với người cho vay tiền và chủ hụi là ông NLQ như lời trình bày của NLQ trong quá trình tố tụng (*trả thay do bảo lãnh nợ vay 30.000.000đồng; trả thay do bảo lãnh nợ hụi 60.000.000đồng, sau đó các bị đơn đã trả lại cho nguyên đơn được 9.000.000đồng*), tổng cộng 91.000.000đồng. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện các bị đơn đòi nợ vay; đòi lại tài sản đã thực hiện thay nghĩa vụ dân sự do bảo lãnh như nêu trên là có căn cứ chấp nhận. Nguyên đơn tự nguyện không tính lãi suất, chỉ yêu cầu thanh toán tiền vốn gốc là đã có lợi cho các bị đơn nên ghi nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Các bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc các bị đơn phải trả nợ gốc tiền vay, số tiền mà nguyên đã trả thay cho các bị đơn do bảo lãnh nợ theo quy định của pháp luật. Ý kiến này phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 161, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 471, 474, 478 và 479 của Bộ luật dân sự năm 2005.
- Các Điều 335, 336, 339, 340 và khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 “*Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*” có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2017

**Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1/ Buộc các bị đơn ông Trương Ngọc T, bà Trần Thị Kim H và anh Trương Tấn L có trách nhiệm liên đới trả cho bà Lê Thị P số tiền nợ vay; nợ do bà P thực hiện thay nghĩa vụ do có sự bảo lãnh tổng cộng 91.000.000đồng (chín mươi một triệu đồng).

1.2/ Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu các bị đơn chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả tại thời điểm thi hành án.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1/ Buộc ông Trương Ngọc T, bà Trần Thị Kim H và anh Trương Tấn L phải có trách nhiệm liên đới chịu số tiền 4.550.000đồng (*bốn triệu năm trăm năm chục ngàn*).

2.2/ Bà Lê Thị P được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.596.000đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 009342 ngày 13/6/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án (ngày 16/7/2018).

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND huyện Vĩnh Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thạnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Võ Bảo Anh**